

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC G
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/KDTM-ST
Ngày: 08 - 9 -2025
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC G - THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bích Thuận.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực G - Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực G - Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực G - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST – KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2025/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1662/2025/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T2. Địa chỉ trụ sở: Tầng H, Cao Thắng M, số A đường C, phường B (Phường B, Quận C cũ), Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Lâm Q. Địa chỉ: A, Vinhomes G, số B đường T, phường S (phường B, Quận A cũ), Thành phố H. (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ. Địa chỉ trụ sở: Số D Đường số B, K, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Quốc T, sinh năm 1988. Địa chỉ trụ sở: S Thôn G, phường A (Phường A, quận G cũ), Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Lâm Q trình bày:

Công ty Cổ phần T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) có cung cấp phụ gia bê tông theo Hợp đồng số: 1609/VT-LP/2024 ký ngày 16/9/2024 với Công ty Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ).

Chi tiết đơn hàng về số lượng được Công ty T2 thể hiện ở Phiếu giao hàng. Sau khi đối chiếu chốt số lượng, giá cả xong, Công ty T2 đã bàn giao hóa đơn cho Công ty Đ, tuy nhiên Công ty Đ nhiều lần không thanh toán. Hiện nay, Công ty Đ còn nợ lại Công ty T2 với số tiền cụ thể như sau: Số tiền gốc còn lại là: 141.500.000 (Một trăm bốn mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng. Công ty T2 đã nhiều lần điện thoại, cử người đến Công ty Đ ở địa chỉ: Số D Đường số B, KDC C, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố H để yêu cầu Công ty Đ thanh toán nhưng không được đáp ứng. Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán số tiền: 141.500.000 đồng cho Công ty T2 là vi phạm thỏa thuận đã ký, xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty T2, nên Công ty T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán nợ gốc là: 141.500.000 (Một trăm bốn mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng cho Công ty Cổ Phần T2.

Sau khi Công ty T2 nộp đơn khởi kiện, ngày 20/3/2025 Công ty Đ đã thanh toán số tiền là: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Số tiền còn lại là 41.500.000 (Bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng đến nay Công ty Đ chưa thanh toán. Do đó, yêu cầu Công ty Đ thanh toán số tiền còn lại 41.500.000 (Bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Cổ phần T2 do ông Trần Lâm Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo Đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Cổ Phần Đ thanh toán số tiền gốc chưa thanh toán là: 141.500.000 (Một trăm bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng. Tuy nhiên, ngày 20/3/2025 Công ty Đ đã thanh toán số tiền là: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Do đó, nay nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại chưa thanh toán là 41.500.000 (Bốn mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần Đ do ông Lý Quốc T là người đại diện theo pháp luật mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần T2 khởi kiện Công ty Cổ phần Đ về tranh chấp Hợp đồng nguyên tắc số: 1609/VT-LP/2024 ngày 16/9/2024 nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty Cổ phần Đ có trụ sở tại địa chỉ: Số D Đường số B, K, phường G (Phường A,

quận G cũ), Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực G - Thành phố H.

2. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Công ty Cổ phần Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

3. Về nội dung:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) phải trả số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 41.500.000 (Bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số: 1609/VT-LP/2024 ngày 16/9/2024 giữa Công ty Cổ phần T2 và Công ty Cổ phần Đ để cung cấp phụ gia bê tông có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng thi công. Hợp đồng được giao kết giữa hai bên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 74 Luật Thương mại năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Thực hiện hợp đồng, Công ty T2 đã giao hàng, đối chiếu chốt số lượng, giá cả, Công ty T2 đã bàn giao hóa đơn cho Công ty Đ, tuy nhiên Công ty Đ không thanh toán. Công ty T2 đã nhiều lần liên hệ, cử người đến trụ sở Công ty Đ để yêu cầu thanh toán nhưng không thành công. Do Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T2 đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2025 yêu cầu Công ty Đ thanh toán số tiền nợ gốc là: 141.500.000 (Một trăm bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Căn cứ Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/12/2024 giữa Công ty T2 và Công ty Đ, Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/9/2024 đủ cơ sở xác định Công ty Đ còn nợ Công ty T2 số tiền là: 141.500.000 (Một trăm bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Ngày 20/3/2025, sau khi Công ty T2 khởi kiện thì Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty T2 số tiền là: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Số tiền còn lại đến nay chưa thanh toán là 41.500.000 (Bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng. Do đó, Công ty T2 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty Đ thanh toán số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 41.500.000 (Bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng, không yêu cầu Công ty Đ trả tiền lãi chậm trả, và trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết công khai các văn bản tố tụng hợp lệ để bị đơn Công ty Đ được biết và tham gia tố tụng nhưng Công ty Đ vắng mặt, không tham gia phiên họp và hòa giải, không có lời khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định bị đơn Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T2, do đó Công ty T2 khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải trả cho Công ty T2 số tiền còn thiếu là 41.500.000 (Bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng là có cơ sở nên chấp nhận. Công ty T2 không yêu cầu Công ty Đ trả tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Về án phí:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là: 3.537.500 (Ba triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0057348 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (Nay là Phòng Thi hành dân sự Khu vực G), Thành phố H.

Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T2.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho Công ty Cổ phần T2 số tiền còn thiếu là: 41.500.000 (Bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần T2 không yêu cầu Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại là: 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho Công ty Cổ phần T2 đã nộp là: 3.537.500 (Ba triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0057348 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (Nay là Phòng Thi hành dân sự Khu vực G), Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Khu vực G - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Phòng THADS Khu vực G-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mộng Tuyền